

CHÍNH PHỦ**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 81/2006/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 09 tháng 8 năm 2006

NGHỊ ĐỊNH**Về xử phạt vi phạm hành chính
trong lĩnh vực bảo vệ môi trường****CHÍNH PHỦ**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;
Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 29 tháng 11 năm 2005;
Căn cứ Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 02 tháng 7 năm 2002;
Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường,

NGHỊ ĐỊNH:**Chương I****NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Nghị định này quy định các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường; hình thức xử phạt, mức phạt, thẩm quyền xử phạt, thủ tục xử phạt và các biện pháp khắc phục hậu quả.

2. Vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường là những hành vi vi phạm các quy định quản lý nhà nước trong lĩnh vực bảo vệ môi trường do cá nhân, tổ chức thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý mà không phải là tội phạm và theo quy định của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính và Nghị định này phải bị xử lý vi phạm hành chính.

3. Vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường quy định tại Nghị định này bao gồm:

a) Vi phạm các quy định về thực hiện cam kết bảo vệ môi trường, báo cáo đánh giá tác động môi trường và các quy định khác về bảo vệ môi trường;

b) Vi phạm các quy định về thực hiện phòng, chống, khắc phục ô nhiễm, suy thoái, sự cố môi trường.

4. Những hành vi vi phạm hành chính về bảo vệ môi trường được quy định trong các nghị định có liên quan thì áp dụng theo quy định tại các Nghị định đó để xử phạt.

Điều 2. Đối tượng bị xử phạt

1. Cá nhân, tổ chức trong nước và cá nhân, tổ chức nước ngoài (sau đây gọi chung là cá nhân, tổ chức) có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường trên lãnh thổ Việt Nam, đều bị xử phạt theo các quy định tại Nghị định này hoặc các nghị định có liên quan.

Trường hợp Điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác với quy định của Nghị định này thì áp dụng theo quy định của Điều ước quốc tế.

2. Cá nhân là người chưa thành niên có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường thì bị xử phạt theo các quy định tại Điều 7 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

3. Trường hợp cán bộ, công chức khi thực hiện công vụ liên quan đến bảo vệ môi trường mà có hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường thì không xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của Nghị định này mà bị xử lý theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức.

Điều 3. Nguyên tắc xử phạt

1. Mọi hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường phải được phát hiện, xử phạt kịp thời và bị đình chỉ ngay.

Việc xử phạt phải được tiến hành nhanh chóng, công minh, triệt để; mọi hậu quả về môi trường do hành vi vi phạm hành chính gây ra phải được khắc phục theo đúng quy định của pháp luật.

2. Cá nhân, tổ chức chỉ bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường khi thực hiện hành vi vi phạm quy định tại Nghị định này và các nghị định

khác của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính có liên quan đến môi trường.

3. Một hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường chỉ bị xử phạt vi phạm hành chính một lần.

Nhiều người, nhiều tổ chức cùng thực hiện một hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường thì mỗi người, mỗi tổ chức vi phạm đều bị xử phạt.

Một người, một tổ chức thực hiện nhiều hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường thì bị xử phạt về từng hành vi vi phạm.

4. Việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường phải căn cứ vào tính chất, mức độ vi phạm, nhân thân người vi phạm và những tình tiết giảm nhẹ, tình tiết tăng nặng để quyết định hình thức, biện pháp xử lý thích hợp.

5. Không xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường trong các trường hợp thuộc tình thế cấp thiết, sự kiện bất ngờ hoặc vi phạm hành chính của cá nhân trong khi mắc bệnh tâm thần hoặc các bệnh khác đã làm mất khả năng nhận thức hoặc khả năng tự điều khiển hành vi.

Điều 4. Tình tiết giảm nhẹ, tình tiết tăng nặng

Các tình tiết giảm nhẹ, tình tiết tăng nặng áp dụng trong việc xử phạt vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm quy định tại Chương II Nghị định này được thực hiện theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính và Điều 6 Nghị định số 134/2003/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính (sau đây gọi tắt là Nghị định số 134/2003/NĐ-CP).

Điều 5. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính

1. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường là hai năm, kể từ ngày hành vi vi phạm hành chính được thực hiện; nếu quá thời hạn nói trên thì không xử phạt, nhưng vẫn áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm a, điểm b, điểm c, điểm d khoản 3 Điều 7 Nghị định này.

2. Đối với cá nhân bị khởi tố, truy tố hoặc có quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục tố tụng hình sự mà có quyết định đình chỉ điều tra hoặc đình chỉ vụ án, mà hành vi vi phạm có dấu hiệu vi phạm hành chính về bảo vệ môi trường thì bị xử phạt vi phạm hành chính về bảo vệ môi trường; thời hiệu xử phạt vi phạm hành

chính là ba tháng, kể từ ngày người có thẩm quyền nhận được quyết định đình chỉ và hồ sơ vụ vi phạm.

3. Trong thời hạn quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này nếu cá nhân, tổ chức có vi phạm hành chính mới trong lĩnh vực bảo vệ môi trường hoặc cố tình trốn tránh, cản trở việc xử phạt thì không áp dụng thời hiệu quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính đối với các trường hợp nêu trên được tính lại kể từ thời điểm thực hiện vi phạm hành chính mới hoặc kể từ thời điểm chấm dứt hành vi cố tình trốn tránh, cản trở việc xử phạt.

Điều 6. Thời hạn được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính

Cá nhân, tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường nếu quá một năm, kể từ ngày chấp hành xong quyết định xử phạt hoặc từ ngày hết hiệu lực thi hành quyết định xử phạt mà không tái phạm thì được coi như chưa bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

Điều 7. Hình thức xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả

1. Đối với mỗi hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, cá nhân, tổ chức vi phạm phải chịu một trong các hình thức xử phạt chính sau đây:

- a) Cảnh cáo;
- b) Phạt tiền.

Mức quy định phạt tiền tối đa đối với một hành vi vi phạm trong lĩnh vực bảo vệ môi trường là 70.000.000 đồng.

2. Tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, cá nhân, tổ chức vi phạm có thể bị áp dụng một hoặc các hình thức xử phạt bổ sung sau đây:

a) Tước quyền sử dụng có thời hạn hoặc không thời hạn đối với Giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn môi trường và các loại giấy phép có nội dung liên quan về bảo vệ môi trường (sau đây gọi chung là Giấy phép môi trường);

b) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính trong lĩnh vực môi trường.

3. Ngoài các hình thức xử phạt quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này, cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường còn có thể bị áp dụng một hoặc nhiều biện pháp khắc phục hậu quả sau đây:

a) Buộc trong thời hạn nhất định phải thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;

- b) Buộc thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường do vi phạm hành chính gây ra;
- c) Buộc đưa ra khỏi lãnh thổ Việt Nam hoặc buộc tái xuất hàng hóa, vật phẩm gây ô nhiễm môi trường đã đưa vào trong nước;
- d) Buộc tiêu hủy hàng hóa, vật phẩm gây ô nhiễm môi trường;
- đ) Các biện pháp khắc phục hậu quả khác được quy định tại Chương II Nghị định này.

Chương II

CÁC HÀNH VI VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, HÌNH THỨC XỬ PHẠT VÀ MỨC XỬ PHẠT

Điều 8. Vi phạm các quy định về cam kết bảo vệ môi trường

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 100.000 đồng đến 500.000 đồng đối với hành vi thực hiện không đúng một trong các nội dung đã ghi trong Bản cam kết bảo vệ môi trường.

2. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện đầy đủ các nội dung đã ghi trong bản cam kết bảo vệ môi trường.

3. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi không đăng ký cam kết bảo vệ môi trường với cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường đối với trường hợp phải đăng ký cam kết bảo vệ môi trường.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc thực hiện đúng Bản cam kết bảo vệ môi trường đã đăng ký đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này;

b) Buộc phải đăng ký và thực hiện cam kết bảo vệ môi trường trong thời hạn mười lăm ngày làm việc, kể từ ngày nhận được quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 3 Điều này.

Điều 9. Vi phạm các quy định về đánh giá tác động môi trường và đánh giá môi trường chiến lược

1. Phạt tiền từ 8.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi thực hiện

không đúng một trong các nội dung trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt và các yêu cầu khác trong quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường.

2. Phạt tiền từ 11.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện đầy đủ các nội dung trong báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt và các yêu cầu khác trong quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường.

3. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi không lập báo cáo đánh giá tác động môi trường mà đã tiến hành xây dựng hoặc đưa công trình vào hoạt động đối với trường hợp phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường.

4. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi không lập báo cáo đánh giá môi trường chiến lược đối với trường hợp phải lập báo cáo đánh giá môi trường chiến lược.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc thực hiện đúng nội dung trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt và các yêu cầu khác trong quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với vi phạm quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này;

b) Buộc trong thời hạn bốn mươi lăm ngày làm việc, kể từ ngày nhận được quyết định xử phạt vi phạm hành chính phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường để trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt trong trường hợp dự án chưa đi vào hoạt động chính thức đối với vi phạm quy định tại khoản 3 Điều này;

c) Buộc trong thời hạn một trăm tám mươi ngày làm việc, kể từ ngày nhận được quyết định xử phạt vi phạm hành chính phải xử lý môi trường đạt tiêu chuẩn cho phép trong trường hợp dự án đã đi vào hoạt động chính thức đối với vi phạm quy định tại khoản 3 Điều này;

d) Buộc lập báo cáo môi trường chiến lược trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt đối với vi phạm quy định tại khoản 4 Điều này;

đ) Buộc thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường đối với các trường hợp vi phạm tại các khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều này gây ra.

Điều 10. Vi phạm các quy định về xả nước thải

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 100.000 đồng đến 500.000 đồng đối với hành

vi xả nước thải vượt tiêu chuẩn cho phép dưới hai lần trong trường hợp thải lượng nước thải nhỏ hơn $50 \text{ m}^3/\text{ngày}$ (24 giờ).

2. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi xả nước thải vượt tiêu chuẩn cho phép dưới hai lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ $50 \text{ m}^3/\text{ngày}$ đến dưới $5.000 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

3. Phạt tiền từ 6.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với hành vi xả nước thải vượt tiêu chuẩn cho phép dưới hai lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ $5.000 \text{ m}^3/\text{ngày}$ trở lên.

4. Phạt tiền từ 9.000.000 đồng đến 11.000.000 đồng đối với hành vi xả nước thải vượt tiêu chuẩn cho phép từ hai lần đến dưới năm lần trong trường hợp thải lượng nước thải nhỏ hơn $50 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

5. Phạt tiền từ 12.000.000 đồng đến 14.000.000 đồng đối với hành vi xả nước thải vượt tiêu chuẩn cho phép từ hai lần đến dưới năm lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ $50 \text{ m}^3/\text{ngày}$ đến dưới $5.000 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

6. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 17.000.000 đồng đối với hành vi xả nước thải vượt tiêu chuẩn cho phép từ hai lần đến dưới năm lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ $5.000 \text{ m}^3/\text{ngày}$ trở lên.

7. Phạt tiền từ 18.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi xả nước thải vượt tiêu chuẩn cho phép từ năm lần đến dưới mười lần trong trường hợp thải lượng nước thải nhỏ hơn $50 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

8. Phạt tiền từ 21.000.000 đồng đến 23.000.000 đồng đối với hành vi xả nước thải vượt tiêu chuẩn cho phép từ năm lần đến dưới mười lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ $50 \text{ m}^3/\text{ngày}$ đến dưới $5.000 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

9. Phạt tiền từ 24.000.000 đồng đến 26.000.000 đồng đối với hành vi xả nước thải vượt tiêu chuẩn cho phép từ năm lần đến dưới mười lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ $5.000 \text{ m}^3/\text{ngày}$ trở lên.

10. Phạt tiền từ 27.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi xả nước thải vượt tiêu chuẩn cho phép từ mười lần trở lên trong trường hợp thải lượng nước thải nhỏ hơn $50 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

11. Phạt tiền từ 31.000.000 đồng đến 33.000.000 đồng đối với hành vi xả nước thải vượt tiêu chuẩn cho phép từ mười lần trở lên trong trường hợp thải lượng nước thải từ $50 \text{ m}^3/\text{ngày}$ đến dưới $5.000 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

096411
www.TiengVietPhapLuoc.com
Tel: 84-8-3846666
LAW Soft

12. Phạt tiền từ 34.000.000 đồng đến 36.000.000 đồng đối với hành vi xả nước thải vượt tiêu chuẩn cho phép từ mười lần trở lên trong trường hợp thải lượng nước thải từ 5.000 m³/ngày trở lên.

13. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 18.000.000 đồng đối với hành vi xả nước thải có chứa chất nguy hại vượt tiêu chuẩn cho phép dưới hai lần trong trường hợp thải lượng nước thải nhỏ hơn 50 m³/ngày.

14. Phạt tiền từ 19.000.000 đồng đến 21.000.000 đồng đối với hành vi xả nước thải có chứa chất nguy hại vượt tiêu chuẩn cho phép dưới hai lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 50 m³/ngày đến dưới 5.000 m³/ngày.

15. Phạt tiền từ 22.000.000 đồng đến 24.000.000 đồng đối với hành vi xả nước thải có chứa chất nguy hại vượt tiêu chuẩn cho phép dưới hai lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 5.000 m³/ngày trở lên.

16. Phạt tiền từ 25.000.000 đồng đến 27.000.000 đồng đối với hành vi xả nước thải có chứa chất nguy hại vượt tiêu chuẩn cho phép từ hai lần đến dưới ba lần trong trường hợp thải lượng nước thải nhỏ hơn 50 m³/ngày.

17. Phạt tiền từ 28.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi xả nước thải có chứa chất nguy hại vượt tiêu chuẩn cho phép từ hai lần đến dưới ba lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 50 m³/ngày đến dưới 5.000 m³/ngày.

18. Phạt tiền từ 31.000.000 đồng đến 33.000.000 đồng đối với hành vi xả nước thải có chứa chất nguy hại vượt tiêu chuẩn cho phép từ hai lần đến dưới 3 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 5.000 m³/ngày trở lên.

19. Phạt tiền từ 34.000.000 đồng đến 36.000.000 đồng đối với hành vi xả nước thải có chứa chất nguy hại vượt tiêu chuẩn cho phép từ ba lần đến dưới năm lần trong trường hợp thải lượng nước thải nhỏ hơn 50 m³/ngày.

20. Phạt tiền từ 37.000.000 đồng đến 39.000.000 đồng đối với hành vi xả nước thải có chứa chất nguy hại vượt tiêu chuẩn cho phép từ ba lần đến dưới năm lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 50 m³/ngày đến dưới 5.000 m³/ngày.

21. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 42.000.000 đồng đối với hành vi xả nước thải có chứa chất nguy hại vượt tiêu chuẩn cho phép từ ba lần đến dưới năm lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 5.000 m³/ngày trở lên.

22. Phạt tiền từ 43.000.000 đồng đến 45.000.000 đồng đối với hành vi xả nước thải có chứa chất nguy hại vượt tiêu chuẩn cho phép từ năm lần trở lên trong trường hợp thải lượng nước thải nhỏ hơn 50 m³/ngày.

23. Phạt tiền từ 46.000.000 đồng đến 49.000.000 đồng đối với hành vi xả nước thải có chứa chất nguy hại vượt tiêu chuẩn cho phép từ năm lần trở lên trong trường hợp thải lượng nước thải từ 50 m³/ngày đến dưới 5.000 m³/ngày.

24. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 55.000.000 đồng đối với hành vi xả nước thải có chứa chất nguy hại vượt tiêu chuẩn cho phép từ năm lần trở lên trong trường hợp thải lượng nước thải từ 5.000 m³/ngày trở lên.

25. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với hành vi xả nước thải có chứa chất phóng xạ gây nhiễm xạ môi trường quá mức cho phép.

26. Hình thức xử phạt bổ sung và biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Tước Giấy phép môi trường từ chín mươi ngày làm việc đến một trăm tám mươi ngày làm việc đối với các vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5 và khoản 6 Điều này;

Tước Giấy phép môi trường không thời hạn đối với các vi phạm quy định tại các khoản 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21, 22, 23, 24 và khoản 25 Điều này;

b) Tạm thời đình chỉ hoạt động cho đến khi thực hiện xong biện pháp bảo vệ môi trường cần thiết đối với các vi phạm quy định tại các khoản 7, 8, 9, 19, 20 và khoản 21 Điều này;

c) Cấm hoạt động hoặc buộc di dời cơ sở đến vị trí xa khu dân cư và phù hợp với sức chịu tải của môi trường đối với các vi phạm quy định tại các khoản 10, 11, 12, 22, 23, 24 và khoản 25 Điều này;

d) Buộc thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường do vi phạm hành chính quy định tại Điều này gây ra.

Điều 11. Vi phạm các quy định về thải khí, bụi

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 100.000 đồng đến 500.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Thải khí, bụi vượt tiêu chuẩn môi trường cho phép vào môi trường dưới hai lần;

b) Thải mùi hôi thối, mùi khó chịu trực tiếp vào môi trường không qua thiết bị hạn chế ô nhiễm môi trường.

2. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm quy

05/94/184
LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

định tại điểm a khoản 1 Điều này vượt tiêu chuẩn cho phép từ hai lần đến dưới năm lần trong trường hợp lưu lượng khí thải nhỏ hơn 5.000 m³/giờ.

3. Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 1 Điều này vượt tiêu chuẩn cho phép từ hai lần đến dưới năm lần trong trường hợp lưu lượng khí thải từ 5.000 m³/giờ đến dưới 20.000 m³/giờ.

4. Phạt tiền từ 7.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 1 Điều này vượt tiêu chuẩn cho phép từ hai lần đến dưới năm lần trong trường hợp lưu lượng khí thải từ 20.000 m³/giờ trở lên.

5. Phạt tiền từ 11.000.000 đồng đến 13.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 1 Điều này vượt tiêu chuẩn cho phép từ năm lần đến dưới mười lần trong trường hợp lưu lượng khí thải nhỏ hơn 5.000 m³/giờ.

6. Phạt tiền từ 14.000.000 đồng đến 16.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 1 Điều này vượt tiêu chuẩn cho phép từ năm lần đến dưới mười lần trong trường hợp lưu lượng khí thải từ 5.000 m³/giờ đến dưới 20.000 m³/giờ.

7. Phạt tiền từ 17.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 1 Điều này vượt tiêu chuẩn cho phép từ năm lần đến dưới mười lần trong trường hợp lưu lượng khí thải từ 20.000 m³/giờ trở lên.

8. Phạt tiền từ 21.000.000 đồng đến 23.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 1 Điều này vượt tiêu chuẩn cho phép từ mười lần trở lên trong trường hợp lưu lượng khí thải nhỏ hơn 5.000 m³/giờ.

9. Phạt tiền từ 24.000.000 đồng đến 26.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 1 Điều này vượt tiêu chuẩn cho phép từ mười lần trở lên trong trường hợp lưu lượng khí thải từ 5.000 m³/giờ đến dưới 20.000 m³/giờ.

10. Phạt tiền từ 27.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 1 Điều này vượt tiêu chuẩn cho phép từ mười lần trở lên trong trường hợp lưu lượng khí thải từ 20.000 m³/giờ trở lên.

11. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 17.000.000 đồng đối với hành vi thải khí, bụi có chứa chất nguy hại vượt tiêu chuẩn cho phép dưới hai lần trong trường hợp lưu lượng khí thải nhỏ hơn 5.000 m³/giờ.

12. Phạt tiền từ 18.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi thải khí,

bụi có chứa chất nguy hại vượt tiêu chuẩn cho phép dưới hai lần trong trường hợp lưu lượng khí thải từ 5.000 m³/giờ đến dưới 20.000 m³/giờ.

13. Phạt tiền từ 21.000.000 đồng đến 24.000.000 đồng đối với hành vi thải khí, bụi có chứa chất nguy hại vượt tiêu chuẩn cho phép dưới hai lần trong trường hợp lưu lượng khí thải từ 20.000 m³/giờ trở lên.

14. Phạt tiền từ 25.000.000 đồng đến 27.000.000 đồng đối với hành vi thải khí, bụi có chứa chất nguy hại vượt tiêu chuẩn cho phép từ hai lần đến dưới ba lần trong trường hợp lưu lượng khí thải nhỏ hơn 5.000 m³/giờ.

15. Phạt tiền từ 28.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi thải khí, bụi có chứa chất nguy hại vượt tiêu chuẩn cho phép từ hai lần đến dưới ba lần trong trường hợp lưu lượng khí thải từ 5.000 m³/giờ đến dưới 20.000 m³/giờ.

16. Phạt tiền từ 31.000.000 đồng đến 34.000.000 đồng đối với hành vi thải khí, bụi có chứa chất nguy hại vượt tiêu chuẩn cho phép từ hai lần đến dưới ba lần trong trường hợp lưu lượng khí thải từ 20.000 m³/giờ trở lên.

17. Phạt tiền từ 35.000.000 đồng đến 37.000.000 đồng đối với hành vi thải khí, bụi có chứa chất nguy hại vượt tiêu chuẩn cho phép từ ba lần đến dưới năm lần trong trường hợp lưu lượng khí thải nhỏ hơn 5.000 m³/giờ.

18. Phạt tiền từ 38.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi thải khí, bụi có chứa chất nguy hại vượt tiêu chuẩn cho phép từ ba lần đến dưới năm lần trong trường hợp lưu lượng khí thải từ 5.000 m³/giờ đến dưới 20.000 m³/giờ.

19. Phạt tiền từ 41.000.000 đồng đến 44.000.000 đồng đối với hành vi thải khí, bụi có chứa chất nguy hại vượt tiêu chuẩn cho phép từ ba lần đến dưới năm lần trong trường hợp lưu lượng khí thải từ 20.000 m³/giờ trở lên.

20. Phạt tiền từ 45.000.000 đồng đến 47.000.000 đồng đối với hành vi thải khí, bụi có chứa chất nguy hại vượt tiêu chuẩn cho phép từ năm lần trở lên trong trường hợp lưu lượng khí thải nhỏ hơn 5.000 m³/giờ.

21. Phạt tiền từ 48.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi thải khí, bụi có chứa chất nguy hại vượt tiêu chuẩn cho phép từ năm lần trở lên trong trường hợp lưu lượng khí thải từ 5.000 m³/giờ đến dưới 20.000 m³/giờ.

22. Phạt tiền từ 51.000.000 đồng đến 54.000.000 đồng đối với hành vi thải khí, bụi có chứa chất nguy hại vượt tiêu chuẩn cho phép từ năm lần trở lên trong trường hợp lưu lượng khí thải từ 20.000 m³/giờ trở lên.

23. Phạt tiền từ 55.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với hành vi thải khí, bụi có chứa chất phóng xạ gây nhiễm xạ môi trường quá mức cho phép.

24. Hình thức xử phạt bổ sung và biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Tước Giấy phép môi trường từ chín mươi ngày làm việc đến một trăm tám mươi ngày làm việc đối với các vi phạm tại các khoản 2, 3, 4, 11, 12 và khoản 13 Điều này;

Tước Giấy phép môi trường không thời hạn đối với các vi phạm tại các khoản 5, 6, 7, 8, 9, 10, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21, 22 và khoản 23 Điều này;

b) Tạm thời đình chỉ hoạt động cho đến khi thực hiện xong biện pháp bảo vệ môi trường cần thiết đối với các vi phạm quy định tại các khoản 5, 6, 7, 17, 18 và khoản 19 Điều này;

c) Cấm hoạt động hoặc buộc di dời cơ sở đến vị trí xa khu dân cư và phù hợp với sức chịu tải của môi trường đối với các vi phạm quy định tại các khoản 8, 9, 10, 20, 21, 22 và khoản 23 Điều này;

d) Buộc thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường do vi phạm hành chính quy định tại Điều này gây ra.

Điều 12. Vi phạm các quy định về tiếng ồn

1. Phạt tiền từ 200.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với hành vi gây tiếng ồn vượt tiêu chuẩn môi trường cho phép dưới 1,5 lần trong thời gian từ 6 giờ đến 22 giờ.

2. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi gây tiếng ồn vượt tiêu chuẩn môi trường cho phép từ 1,5 lần trở lên trong thời gian từ 6 giờ đến 22 giờ.

3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng đối với hành vi gây tiếng ồn vượt tiêu chuẩn môi trường cho phép dưới 1,5 lần trong khoảng thời gian từ 22 giờ đến trước 6 giờ ngày hôm sau.

4. Phạt tiền từ 8.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng đối với hành vi gây tiếng ồn vượt tiêu chuẩn môi trường cho phép từ 1,5 lần trở lên trong khoảng thời gian từ 22 giờ đến trước 6 giờ ngày hôm sau.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc khắc phục hậu quả do hành vi vi phạm quy định tại Điều này gây ra.

Điều 13. Vi phạm các quy định về độ rung

1. Vi phạm các quy định về độ rung trong hoạt động xây dựng:

a) Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với hành vi gây độ rung vượt tiêu chuẩn môi trường cho phép trong thời gian từ 7 giờ đến 19 giờ đối với khu vực cần có môi trường đặc biệt yên tĩnh, khu dân cư, khách sạn, nhà nghỉ, cơ quan hành chính; từ 6 giờ đến 22 giờ đối với khu dân cư xen kẽ trong khu thương mại, dịch vụ và sản xuất.

b) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với hành vi gây độ rung vượt tiêu chuẩn môi trường cho phép trong thời gian từ 19 giờ hôm trước đến 7 giờ hôm sau đối với khu vực cần có môi trường đặc biệt yên tĩnh, khu dân cư, khách sạn, nhà nghỉ; từ 22 giờ hôm trước đến 6 giờ hôm sau đối với khu dân cư xen kẽ trong khu thương mại, dịch vụ và sản xuất.

2. Vi phạm các quy định về độ rung trong hoạt động sản xuất công nghiệp:

a) Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với hành vi gây độ rung vượt tiêu chuẩn môi trường cho phép trong thời gian từ 6 giờ đến 18 giờ đối với khu vực cần có môi trường đặc biệt yên tĩnh, khu dân cư, khách sạn, nhà nghỉ, cơ quan hành chính, khu dân cư xen kẽ trong khu thương mại, dịch vụ và sản xuất.

b) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với hành vi gây độ rung vượt tiêu chuẩn môi trường cho phép trong thời gian từ 18 giờ hôm trước đến 6 giờ hôm sau đối với khu vực cần có môi trường đặc biệt yên tĩnh, khu dân cư, khách sạn, nhà nghỉ, khu dân cư xen kẽ trong khu thương mại, dịch vụ và sản xuất.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc khắc phục hậu quả do hành vi vi phạm quy định tại Điều này gây ra.

Điều 14. Vi phạm các quy định về thải chất thải rắn

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 100.000 đồng đến 500.000 đồng đối với hành vi thải chất thải rắn không đúng quy định về bảo vệ môi trường.

2. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này gây ô nhiễm môi trường.

3. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này trong trường hợp chất thải rắn có chứa chất thải nguy hại vượt tiêu chuẩn cho phép.

4. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này trong trường hợp chất thải rắn có chứa chất phóng xạ gây nhiễm xạ môi trường quá mức cho phép ảnh hưởng đến con người và sinh vật.

5. Hình thức xử phạt bổ sung và biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Tước Giấy phép môi trường từ chín mươi ngày làm việc đến một trăm tám mươi ngày làm việc đối với các vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này;

Tước Giấy phép môi trường không thời hạn đối với các vi phạm tại khoản 3 và khoản 4 Điều này;

b) Buộc thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường do vi phạm hành chính quy định tại Điều này gây ra.

Điều 15. Vi phạm các quy định về quản lý, vận chuyển và xử lý chất thải

1. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với hành vi quản lý, vận chuyển và xử lý chất thải, các chất gây ô nhiễm môi trường không theo đúng quy định về bảo vệ môi trường.

2. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này gây ô nhiễm môi trường.

3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi quản lý, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại hoặc có chứa chất phóng xạ không đúng quy định về bảo vệ môi trường.

4. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi không lập hồ sơ, đăng ký có phát sinh chất thải nguy hại đối với trường hợp phải lập hồ sơ, đăng ký với cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường cấp tỉnh.

5. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi quản lý, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại gây ô nhiễm môi trường.

6. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với hành vi quản lý, vận chuyển và xử lý chất thải có chứa chất phóng xạ gây nhiễm xạ môi trường quá mức cho phép.

7. Hình thức xử phạt bổ sung và biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Tước Giấy phép môi trường từ chín mươi ngày làm việc đến một trăm tám mươi ngày làm việc đối với các vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này;

9694184
www.ThuVienPhapLuat.com
Tel: +84-8-8845 6684
LawSociety

Tức Giấy phép môi trường không thời hạn đối với các vi phạm tại các khoản 3, 4 và khoản 5 Điều này;

b) Buộc thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường do vi phạm hành chính quy định tại các khoản 2, 3, 4 và khoản 5 Điều này gây ra.

Điều 16. Vi phạm các quy định về nhập khẩu máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu

1. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi nhập khẩu máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu không đúng với quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;

2. Phạt tiền từ 25.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này gây ô nhiễm môi trường;

b) Nhập khẩu máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải đã qua sử dụng để phá dỡ không đúng với quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 35.000.000 đồng đối với hành vi vận chuyển quá cảnh hàng hóa, thiết bị, phương tiện có khả năng gây ô nhiễm, suy thoái, sự cố môi trường qua lãnh thổ Việt Nam khi chưa được phép và chưa bị kiểm tra về môi trường của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường.

4. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Nhập khẩu máy móc, thiết bị, phương tiện bị nhiễm chất phóng xạ, vi trùng gây bệnh, chất độc khác chưa được tẩy rửa hoặc không có khả năng làm sạch;

b) Nhập khẩu, quá cảnh chất thải dưới mọi hình thức;

c) Nhập khẩu hợp chất làm suy giảm tầng ô zôn theo Điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc tái xuất hoặc tiêu hủy máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu không đạt tiêu chuẩn môi trường;

b) Buộc thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường do vi phạm hành chính quy định tại Điều này gây ra.

Điều 17. Vi phạm các quy định về an toàn sinh học

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi nghiên cứu, thử nghiệm, sản xuất, kinh doanh, sử dụng, nhập khẩu, xuất khẩu, lưu giữ và vận chuyển sinh vật biến đổi gen và sản phẩm của chúng không đáp ứng đầy đủ các điều kiện về an toàn sinh học và thủ tục theo quy định của pháp luật.

2. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Không tuân thủ các quy định về quản lý an toàn sinh học đối với người và sinh vật;

b) Nhập khẩu, quá cảnh sinh vật ngoài danh mục cho phép.

3. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với các hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này gây ô nhiễm môi trường.

4. Hình thức phạt bổ sung và biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Tước Giấy phép môi trường từ sáu mươi ngày làm việc đến một trăm tám mươi ngày làm việc đối với các vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này;

Tước Giấy phép môi trường không thời hạn đối với các vi phạm tại các khoản 2 và khoản 3 Điều này;

b) Buộc tiêu hủy hoặc tái xuất;

c) Buộc khắc phục hậu quả do hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 Điều này gây ra.

Điều 18. Vi phạm các quy định về bảo tồn thiên nhiên

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 100.000 đồng đến 500.000 đồng đối với hành vi gây ảnh hưởng xấu đến môi trường tại khu bảo tồn thiên nhiên, di sản tự nhiên, khu du lịch, điểm du lịch.

2. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với hành vi khai thác khu bảo tồn thiên nhiên không đúng quy định về bảo vệ môi trường, gây suy thoái môi trường.

3. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với hành vi khai thác vườn quốc gia và di sản tự nhiên không đúng quy định về bảo vệ môi trường, gây suy thoái môi trường.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc khắc phục hậu quả do hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này gây ra.

Điều 19. Vi phạm các quy định về phòng, chống sự cố môi trường trong tìm kiếm, thăm dò, khai thác, vận chuyển dầu khí và các sự cố rò rỉ, tràn dầu khác

1. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Không trang bị phương tiện phòng, chống rò rỉ dầu, cháy nổ dầu, tràn dầu theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

b) Không có phương án phòng, chống rò rỉ dầu, cháy nổ dầu, tràn dầu theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Phạt tiền từ 25.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi gây ra sự cố rò rỉ dầu, cháy nổ dầu, tràn dầu.

3. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này gây ô nhiễm môi trường.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc khắc phục hậu quả do hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này gây ra.

Điều 20. Vi phạm các quy định về sản xuất, vận chuyển, kinh doanh, nhập khẩu, tàng trữ, sử dụng các chất dễ gây cháy nổ

1. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng pháo nổ.

2. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sản xuất, vận chuyển, kinh doanh, tàng trữ, sử dụng các chất dễ gây cháy nổ không đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3. Phạt tiền từ 6.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi sản xuất, vận chuyển, tàng trữ, sử dụng các chất dễ gây cháy nổ gây ô nhiễm môi trường.

4. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng các loại thuốc nổ lấy từ bom, mìn, lựu đạn và các loại vũ khí khác để sản xuất pháo hoa.

5. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với hành vi sản xuất, kinh doanh, vận chuyển pháo nổ.

6. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều này gây sự cố môi trường.

7. Hình thức xử phạt bổ sung và các biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính trong lĩnh vực môi trường;

b) Buộc khắc phục hậu quả do hành vi vi phạm quy định tại các khoản 2, 3, 4 và khoản 5 Điều này gây ra.

Điều 21. Vi phạm quy định về ô nhiễm đất

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 100.000 đồng đến 500.000 đồng đối với hành vi chôn vùi hoặc thải vào đất các chất gây ô nhiễm không đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này gây ô nhiễm đất.

3. Phạt tiền từ 25.000.000 đồng đến 35.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này trong trường hợp chất gây ô nhiễm có chứa chất thải nguy hại vượt tiêu chuẩn cho phép.

4. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này trong trường hợp chất gây ô nhiễm có chứa chất phóng xạ gây nhiễm xạ môi trường vượt mức cho phép.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc khắc phục hậu quả do hành vi vi phạm quy định tại các khoản 2, 3 và khoản 4 Điều này gây ra.

Điều 22. Vi phạm quy định về ô nhiễm môi trường nước

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 100.000 đồng đến 500.000 đồng đối với hành vi xả, thải vào môi trường nước các chất gây ô nhiễm vượt quá tiêu chuẩn cho phép.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này gây ô nhiễm nước.

3. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này trong trường hợp chất gây ô nhiễm có chứa chất thải nguy hại vượt tiêu chuẩn môi trường cho phép.

4. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Vi phạm các quy định tại khoản 2 Điều này trong trường hợp chất gây ô nhiễm có chứa chất phóng xạ gây nhiễm xạ môi trường vượt mức cho phép;

b) Đưa vào nguồn nước dưới đất các loại hóa chất, chất độc hại, chất thải, vi sinh vật chưa được kiểm định và các tác nhân độc hại khác đối với con người và sinh vật;

c) Đổ chất thải trong vùng biển nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc khắc phục hậu quả do hành vi vi phạm quy định tại các khoản 2, 3 và khoản 4 Điều này gây ra.

Điều 23. Vi phạm quy định về ô nhiễm không khí

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi gây ô nhiễm không khí.

2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 35.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này trong trường hợp chất gây ô nhiễm có chứa chất thải nguy hại gây hậu quả xấu đến con người và thiên nhiên.

3. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này trong trường hợp chất gây ô nhiễm có chứa chất phóng xạ gây nhiễm xạ môi trường vượt mức cho phép.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc khắc phục hậu quả do hành vi vi phạm quy định tại Điều này gây ra.

Điều 24. Vi phạm về khoảng cách an toàn về môi trường đối với khu dân cư, khu bảo tồn thiên nhiên

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với các cơ sở không thực hiện đúng quy định về khoảng cách an toàn về môi trường đối với khu dân cư, khu bảo tồn thiên nhiên.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với cơ sở sản xuất, kho tàng sau đây đặt trong khu dân cư:

- a) Có chất dễ cháy, dễ gây nổ;
- b) Có chất phóng xạ hoặc bức xạ mạnh;
- c) Có chất độc hại đối với sức khỏe người và gia súc, gia cầm;
- d) Phát tán mùi ảnh hưởng xấu tới sức khỏe con người;
- đ) Gây tiếng ồn, phát tán bụi, khí thải quá tiêu chuẩn cho phép;
- e) Bệnh viện, cơ sở y tế xây dựng mới điều trị các bệnh truyền nhiễm.



3. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm tại khoản 1, điểm d và điểm e khoản 2 Điều này trong trường hợp gây ô nhiễm môi trường.

4. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm tại các điểm a, b, c khoản 2 Điều này trong trường hợp gây ô nhiễm môi trường.

5. Hình thức phạt bổ sung và biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Tước Giấy phép môi trường từ sáu mươi ngày làm việc đến một trăm tám mươi ngày làm việc đối với các vi phạm quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này;

Tước Giấy phép môi trường không thời hạn đối với các vi phạm tại các khoản 3 và khoản 4 Điều này.

b) Buộc thực hiện đúng quy định về khoảng cách an toàn về môi trường đối với khu dân cư, khu bảo tồn thiên nhiên hoặc di chuyển địa điểm ra khỏi khu dân cư, khu bảo tồn thiên nhiên;

c) Buộc khắc phục hậu quả do hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều này gây ra.

Điều 25. Vi phạm các quy định về ứng cứu và khắc phục hậu quả sự cố môi trường

1. Phạt tiền từ 200.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không kịp thời báo cho cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường, cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác nơi gần nhất khi phát hiện sự cố môi trường;

b) Không thực hiện những biện pháp thuộc trách nhiệm của mình để kịp thời khắc phục sự cố môi trường;

c) Không chấp hành hoặc chấp hành không đúng lệnh huy động khẩn cấp nhân lực, vật tư, phương tiện để khắc phục sự cố môi trường.

2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với các hành vi gây sự cố môi trường.

3. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với các hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này không khắc phục sự cố môi trường.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc khắc phục hậu quả do hành vi vi phạm quy định tại Điều này gây ra.

Điều 26. Vi phạm quy định bắt buộc thu hồi sản phẩm, bao bì đã qua sử dụng

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi không thu hồi sản phẩm, bao bì đã qua sử dụng đối với trường hợp bắt buộc phải thu hồi sản phẩm, bao bì đó.

2. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này gây ô nhiễm môi trường.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc khắc phục hậu quả do hành vi vi phạm quy định tại Điều này gây ra.

Điều 27. Vi phạm các quy định về thu thập, quản lý, khai thác, sử dụng dữ liệu, thông tin về môi trường

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 100.000 đồng đến 500.000 đồng đối với hành vi gây cản trở việc quan trắc, thu thập, trao đổi, khai thác, sử dụng dữ liệu, thông tin về môi trường đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

2. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Không tuân thủ các quy định về xử lý dữ liệu, thông tin về môi trường;

b) Cung cấp dữ liệu, thông tin về môi trường không đúng chức năng, không đúng thẩm quyền;

c) Không công khai thông tin, dữ liệu về môi trường.

3. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với hành vi xâm nhập trái phép vào hệ thống lưu trữ dữ liệu, thông tin về môi trường.

4. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi nộp không đầy đủ các số liệu điều tra, khảo sát, quan trắc và các tài liệu liên quan khác cho cơ quan lưu trữ dữ liệu, thông tin về môi trường theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

5. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với hành vi làm sai lệch, tẩy xóa dữ liệu, thông tin về môi trường.

6. Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi cung cấp các số liệu tính toán; các kết luận điều tra, khảo sát không trung thực cho cơ quan lưu trữ dữ liệu, thông tin về môi trường.

7. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng đối với hành vi làm sai lệch thông tin dẫn đến gây hậu quả xấu đối với môi trường.

8. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc khắc phục hậu quả do hành vi vi phạm tại các khoản 4, 5, 6 và khoản 7 Điều này gây ra.

Điều 28. Vi phạm các quy định về hành nghề tư vấn, dịch vụ thẩm định đánh giá tác động môi trường

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi hành nghề tư vấn đánh giá tác động môi trường không đúng theo nội dung giấy phép hành nghề.

2. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Hành nghề tư vấn đánh giá tác động môi trường mà không được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

b) Thẩm định đánh giá tác động môi trường không đúng theo nội dung giấy phép hành nghề.

3. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi hành nghề dịch vụ thẩm định đánh giá tác động môi trường mà không được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 29. Vi phạm các quy định về đánh giá hiện trạng môi trường

1. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với hành vi báo cáo không chính xác về hiện trạng môi trường cho cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường.

2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện chế độ báo cáo hiện trạng môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc phải báo cáo theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường.

Điều 30. Vi phạm các quy định về ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi không ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác tài nguyên thiên nhiên.

2. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc phải ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường theo quy định của pháp luật.

Điều 31. Vi phạm về việc mua bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại về môi trường

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với các tổ chức, cá nhân có hoạt động tiềm ẩn nguy cơ gây thiệt hại lớn cho môi trường không mua bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại về môi trường.

2. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc phải mua bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại về môi trường.

Điều 32. Hành vi cản trở hoạt động quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 100.000 đồng đến 500.000 đồng đối với hành vi cản trở công tác điều tra, nghiên cứu, kiểm soát, đánh giá hiện trạng môi trường.

2. Phạt tiền từ 1.000.000 đến 4.000.000 đồng đối với hành vi cản trở công tác thanh tra, kiểm tra về bảo vệ môi trường do người có thẩm quyền, cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiến hành.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc thực hiện các yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường.

Chương III

THẨM QUYỀN, THỦ TỤC XỬ PHẠT

Điều 33. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 500.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính trong lĩnh vực môi trường có giá trị đến 500.000 đồng;

d) Buộc thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường, suy thoái môi trường do hành vi vi phạm gây ra;

đ) Buộc tiêu hủy hàng hóa, vật phẩm gây ô nhiễm môi trường.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 20.000.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính trong lĩnh vực môi trường;

d) Buộc thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường do hành vi vi phạm gây ra;

đ) Buộc tiêu hủy hàng hóa, vật phẩm gây ô nhiễm môi trường.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 70.000.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng Giấy phép môi trường do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính trong lĩnh vực môi trường;

đ) Buộc tiêu hủy hàng hóa, vật phẩm gây ô nhiễm môi trường;

e) Buộc đưa ra khỏi lãnh thổ Việt Nam hoặc buộc tái xuất hàng hóa, vật phẩm gây ô nhiễm môi trường đã đưa vào trong nước;

g) Buộc thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường, suy thoái môi trường do hành vi vi phạm gây ra.

Điều 34. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của thanh tra chuyên ngành về bảo vệ môi trường

1. Thanh tra viên chuyên ngành về tài nguyên và môi trường của Sở Tài nguyên và Môi trường, của Bộ Tài nguyên và Môi trường đang thi hành công vụ có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 200.000 đồng;
- c) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính trong lĩnh vực môi trường có giá trị đến 2.000.000 đồng;
- d) Buộc tiêu hủy hàng hóa, vật phẩm gây ô nhiễm môi trường;
- đ) Buộc thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường, suy thoái môi trường do hành vi vi phạm gây ra.

2. Chánh Thanh tra Sở Tài nguyên và Môi trường có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 20.000.000 đồng;
- c) Tước quyền sử dụng Giấy phép môi trường thuộc thẩm quyền;
- d) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính trong lĩnh vực môi trường;
- đ) Buộc tiêu hủy hàng hóa, vật phẩm gây ô nhiễm môi trường;
- e) Buộc thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường, suy thoái môi trường do hành vi vi phạm gây ra.

3. Chánh Thanh tra Bộ Tài nguyên và Môi trường có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 70.000.000 đồng;
- c) Tước quyền sử dụng Giấy phép môi trường thuộc thẩm quyền;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính trong lĩnh vực môi trường;

đ) Buộc tiêu hủy hàng hóa, vật phẩm gây ô nhiễm môi trường;

e) Buộc đưa ra khỏi lãnh thổ Việt Nam hoặc buộc tái xuất hàng hóa, vật phẩm gây ô nhiễm môi trường đã đưa vào trong nước;

g) Buộc thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường, suy thoái môi trường do hành vi vi phạm gây ra.

Điều 35. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính về bảo vệ môi trường của các cơ quan quản lý nhà nước và các tổ chức thanh tra nhà nước chuyên ngành

Ngoài những người có thẩm quyền xử phạt quy định tại Điều 33, Điều 34 Nghị định này, những người có thẩm quyền xử phạt theo quy định của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính nếu phát hiện thấy các hành vi vi phạm hành chính quy định trong Nghị định này mà thuộc lĩnh vực và địa bàn quản lý của mình thì có quyền xử phạt nhưng phải thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

Điều 36. Thủ tục xử phạt vi phạm hành chính

1. Khi phát hiện hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, người có thẩm quyền xử phạt phải ra lệnh đình chỉ ngay hành vi vi phạm, đồng thời lập biên bản về hành vi vi phạm, trừ trường hợp xử phạt theo thủ tục đơn giản; biên bản lập theo đúng mẫu quy định của pháp luật và tiến hành xử phạt theo thẩm quyền; trường hợp hành vi vi phạm không thuộc thẩm quyền xử phạt của người lập biên bản thì biên bản phải được gửi đến người có thẩm quyền xử phạt.

2. Trình tự, thủ tục xử phạt vi phạm được thực hiện như sau:

a) Đối với vi phạm hành chính mà hình thức xử phạt là cảnh cáo hoặc phạt tiền đến 100.000 đồng thì người có thẩm quyền xử phạt ra quyết định xử phạt tại chỗ.

Quyết định xử phạt phải ghi rõ ngày, tháng, năm ra quyết định; họ, tên, địa chỉ của người vi phạm hoặc tên, địa chỉ của tổ chức vi phạm; hành vi vi phạm; địa điểm xảy ra vi phạm; họ, tên, chức vụ của người ra quyết định; điều, khoản của văn bản pháp luật được áp dụng. Quyết định này phải được giao cho cá nhân, tổ chức bị xử phạt một bản.

Trường hợp phạt tiền thì trong quyết định phải ghi rõ mức tiền phạt; cá nhân, đại diện tổ chức vi phạm có thể nộp tiền phạt tại chỗ cho người có thẩm quyền xử phạt; trong trường hợp nộp tiền tại chỗ thì được nhận biên lai thu tiền phạt.

b) Đối với vi phạm hành chính mà hình thức xử phạt là phạt tiền trên 100.000 đồng thì người có thẩm quyền xử phạt phải lập biên bản về vi phạm hành chính. Trong biên bản về vi phạm hành chính phải ghi rõ ngày, tháng, năm, địa điểm lập biên bản; họ, tên, chức vụ người lập biên bản; họ, tên, địa chỉ, nghề nghiệp người vi phạm hoặc tên, địa chỉ tổ chức vi phạm; hành vi vi phạm, các biện pháp ngăn chặn vi phạm hành chính và bảo đảm việc xử phạt (nếu có); tình trạng hàng hóa, vật phẩm bị tạm giữ (nếu có); lời khai của người vi phạm hoặc đại diện tổ chức vi phạm; nếu có người chứng kiến, người bị hại hoặc đại diện tổ chức bị thiệt hại thì phải ghi rõ họ, tên, địa chỉ người bị hại.

3. Tổ chức, cá nhân bị phạt tiền phải nộp tiền tại Kho bạc Nhà nước được ghi trong quyết định xử phạt và được nhận biên lai ghi tiền phạt.

Trong trường hợp việc xử phạt vi phạm hành chính xảy ra tại những vùng xa xôi, hẻo lánh, trên sông, trên biển, những vùng mà việc đi lại gặp khó khăn hoặc ngoài giờ hành chính thì cá nhân, tổ chức bị xử phạt có thể nộp tiền cho người có thẩm quyền xử phạt. Người có thẩm quyền xử phạt có trách nhiệm thu tiền phạt tại chỗ và nộp vào Kho bạc Nhà nước theo quy định tại khoản 3 Điều 58 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính. Người bị phạt có quyền không nộp tiền phạt nếu không có biên lai thu tiền phạt.

4. Trường hợp tịch thu hàng hóa, vật phẩm gây ô nhiễm môi trường thì người có thẩm quyền xử phạt phải lập biên bản, trong biên bản phải ghi rõ tên, số lượng, tình trạng, chất lượng của hàng hóa, vật phẩm bị tịch thu và phải có chữ ký của người tiến hành tịch thu, người bị xử phạt hoặc đại diện tổ chức bị xử phạt và người chứng kiến. Trường hợp cần niêm phong hàng hóa, vật phẩm gây ô nhiễm môi trường thì phải tiến hành ngay trước mặt người bị xử phạt hoặc đại diện tổ chức bị xử phạt và người chứng kiến.

5. Cá nhân, tổ chức bị xử phạt phải chấp hành quyết định xử phạt trong thời hạn mười ngày, kể từ ngày được giao quyết định xử phạt. Quá thời hạn trên mà cá nhân, tổ chức bị xử phạt không tự nguyện chấp hành quyết định xử phạt thì bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại Điều 66 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm

hành chính và Nghị định số 37/2005/NĐ-CP ngày 18 tháng 3 năm 2005 của Chính phủ quy định thủ tục áp dụng các biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

6. Cá nhân bị xử phạt từ 500.000 đồng trở lên có thể được hoãn chấp hành xử phạt trong trường hợp đang gặp khó khăn đặc biệt về tài chính. Thủ tục và thời hạn hoãn chấp hành quyết định phạt tiền theo quy định tại Điều 65 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

Điều 37. Tước quyền sử dụng giấy phép

1. Cá nhân, tổ chức được cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường cấp các loại giấy phép môi trường đều có thể bị tước quyền sử dụng nếu có các vi phạm hành chính liên quan trực tiếp đến quy định về sử dụng giấy phép đó.

Khi quyết định tước quyền sử dụng giấy phép, người có thẩm quyền phải lập biên bản, ghi rõ lý do tước quyền sử dụng giấy phép theo các nội dung quy định tại Điều 59 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính, đồng thời phải buộc đình chỉ vi phạm.

Việc tước quyền sử dụng giấy phép chỉ được thực hiện khi có quyết định bằng văn bản của người có thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều 33; khoản 2, khoản 3 Điều 34 Nghị định này. Quyết định phải gửi cho cá nhân, tổ chức bị xử lý, đồng thời thông báo cho cơ quan đã cấp giấy phép đó biết.

Người có thẩm quyền quy định tại các khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 33 Nghị định này có quyền đề nghị cơ quan cấp giấy phép môi trường thu hồi giấy phép.

2. Tước quyền sử dụng giấy phép có thời hạn đối với các vi phạm lần đầu, có thể khắc phục được. Khi hết thời hạn ghi trong quyết định xử phạt, người có thẩm quyền xử phạt phải trả lại giấy phép cho tổ chức, cá nhân được sử dụng giấy phép.

3. Tước quyền sử dụng giấy phép không thời hạn áp dụng đối với các trường hợp sau:

- a) Giấy phép được cấp không đúng thẩm quyền;
- b) Giấy phép có nội dung trái với quy định về bảo vệ môi trường;
- c) Vi phạm nghiêm trọng các quy định về bảo vệ môi trường xét thấy không thể cho tiếp tục hoạt động được.

097.184
Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com
LawSoh *

Điều 38. Những quy định khi áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả

1. Người có thẩm quyền xử phạt quy định tại Điều 33, Điều 34 và Điều 35 Nghị định này khi quyết định áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả phải căn cứ vào quy định của pháp luật, mức độ thiệt hại thực tế do hành vi vi phạm hành chính gây ra và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về quyết định của mình.

2. Cá nhân, tổ chức bị áp dụng những biện pháp khắc phục hậu quả phải thi hành các hình thức xử phạt đó trong thời hạn mười ngày sau khi được giao quyết định xử phạt, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác. Trường hợp không thi hành sẽ bị cưỡng chế trong thời gian quy định. Chi phí cho việc tổ chức cưỡng chế do cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế chịu trách nhiệm.

3. Trong trường hợp các tang vật, phương tiện vi phạm hành chính về bảo vệ môi trường phải tịch thu hoặc tiêu hủy thì khi thi hành phải lập biên bản có chữ ký của người quyết định, người bị phạt, người làm chứng và xử lý tang vật vi phạm hành chính theo đúng quy định tại Điều 60, Điều 61 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

Chương IV**KHIẾU NẠI, TỐ CÁO, XỬ LÝ VI PHẠM****Điều 39. Khiếu nại, tố cáo**

1. Cá nhân, tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường hoặc người đại diện hợp pháp của họ có quyền khiếu nại đối với quyết định xử phạt của người có thẩm quyền.

Công dân có quyền tố cáo với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền những hành vi trái pháp luật về xử phạt hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

2. Thủ tục khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại, tố cáo theo quy định tại Điều 118 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

3. Việc khởi kiện đối với quyết định xử phạt vi phạm hành chính, quyết định áp dụng các biện pháp ngăn chặn và bảo đảm việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường được thực hiện theo quy định của pháp luật về thủ tục giải quyết các vụ án hành chính.

Điều 40. Xử lý đối với người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường

Người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường mà sách nhiễu, dung túng, bao che cho người vi phạm, không xử phạt hoặc xử phạt không đúng mức, không kịp thời, xử phạt vượt thẩm quyền, thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại cho Nhà nước, công dân, tổ chức thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Điều 41. Xử lý vi phạm đối với người bị xử phạt vi phạm hành chính

Người bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường nếu có hành vi chống người thi hành công vụ, trì hoãn, trốn tránh việc chấp hành hoặc có những hành vi vi phạm khác thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.



Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 42. Xử lý tồn tại

Cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ hoạt động trước ngày Luật Bảo vệ môi trường năm 2005 có hiệu lực thi hành đã lập Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận mà có hành vi vi phạm các quy định của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định này thì bị xử phạt như đối với cơ sở sản xuất, dịch vụ thuộc đối tượng phải đăng ký Bản cam kết bảo vệ môi trường.

Điều 43. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Bãi bỏ Nghị định số 121/2004/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2004 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

Điều 44. Trách nhiệm hướng dẫn và thi hành

Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức thi hành Nghị định này.

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**

Nguyễn Tấn Dũng

